TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17.5.2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Võ Thị Ánh
2. Ông Nguyễn Văn Đông
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXX-ST ngày 23.4.2019, giữa:

1. <u>*Nguyên đơn*</u>: Chị ***Nguyễn Thị N*** sinh năm 1983
Trú tại: ấp A, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ.
2. <u>*Bị đơn*</u>: Anh ***Nguyễn Văn K*** sinh năm 1981
Trú tại: khu vực X, phường Y, quận T, thành phố Cần Thơ.
3. <u>*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*</u>:
3.1. Ông ***Nguyễn Văn U*** sinh năm 1957
3.2. Chị ***Nguyễn Thị P*** sinh năm 1973
Cùng trú tại: khu vực X, phường Y, quận T, thành phố Cần Thơ.
4. <u>*Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung*</u>:
4.1. Cháu ***Nguyễn Hồng I*** sinh ngày 12.12.2005
4.2. Cháu ***Nguyễn Gia H*** sinh ngày 26.10.2016
(đang sống với chị N; và do chị Nguyên là người giám hộ).

(các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 17.8.2018 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày*:

Vào năm 2000, được gia đình hai bên làm mai mối nên chị với anh Nguyễn Văn K tự nguyện tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân dân phường Y, quận T, thành phố Cần Thơ. Sau khi cưới, vợ chồng sống và buôn bán bên gia đình chồng tại khu vực X, phường Y, quận T đến khi vợ chồng ly thân.

Quá trình chung sống vợ chồng thường hay cải vả, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh K thường xuyên tham gia cờ bạc, rượu trà mà không quan tâm chăm sóc vợ con, thậm chí còn nhiều lần đánh và xô đuổi chị N nên từ giữa năm 2016 chị về bên cha mẹ ruột thuộc ấp A, xã B, huyện C, tp Cần Thơ sống nhờ nhà họ hàng để làm thuê và nuôi con chung.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm Nguyễn Hồng P, sinh ngày 12.12.2005 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 26.10.2016. Hiện con chung đang sống với chị N tại ấp A, xã B, huyện C.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Chị N thừa nhận vợ chồng còn nợ ông Nguyễn Văn U 55.000.000 đồng và nợ chị Nguyễn Thị P 100.000.000 đồng. Chị yêu cầu tự thỏa thuận trả nợ với ông U, chị P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Văn K; *Về con chung*: Chị yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung Nguyễn Hồng I và Nguyễn Gia H đến trưởng thành, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con; *Về tài sản chung*: không có; *Về nợ chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 14.02.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày*:

Anh thống nhất nội dung trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N về hôn nhân, con chung; ngoài ra vợ chồng không có tài sản chung. Cụ thể: vào năm 2000, anh và chị N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hay xảy ra cự cải nên từ tháng 6.2018 chị N tự ý bỏ nhà về cha mẹ ruột sống ly thân với anh từ đó đến nay.

Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn mà yêu cầu đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung; *Về con chung*: Nếu giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ổn định cho chị N được quyền nuôi 02 con chung gồm Nguyễn Hồng I và Nguyễn Gia H đến trưởng thành, anh yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con; *Về tài sản chung*: không có; *Về nợ chung*: Anh thừa nhận vợ chồng còn nợ ông Nguyễn Văn U 55.000.000 đồng, nợ chị Nguyễn Thị P 100.000.000 đồng. Anh yêu cầu tự thỏa thuận trả nợ mà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 23.4.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn U trình bày*: Ông thống nhất nội dung trình bày về nợ chung như vợ chồng N – K thừa nhận. Cụ thể: Trước đây

ông có cho N – K vay số tiền 55.000.000 đồng, đến nay chưa thanh toán. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh K, đương sự thừa nhận nợ tuy nhiên ông không yêu cầu đòi, không yêu cầu độc lập trong vụ án mà đồng ý tự thỏa thuận với đương sự. Khi nào phát sinh tranh chấp thì ông khởi kiện thành vụ án khác.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 23.4.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị P trình bày*: Hiện nay vợ chồng N – K còn nợ chị tiền góp hụi 33.000.000 đồng và tiền nợ vay 67.000.000 đồng - chưa thanh toán. Nay đương sự yêu cầu ly hôn, thừa nhận nợ nhưng chị không yêu cầu độc lập đòi nợ đối với nguyên đơn, bị đơn mà đồng ý tự thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ. Khi nào phát sinh tranh chấp thì chị khởi kiện thành vụ án khác.

** Tại tờ tự khai ngày 14.02.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Nguyễn Hồng H trình bày*: Cháu là con của cha là Nguyễn Văn K và mẹ là Nguyễn Thị N. Hiện nay cháu đang sống chung với mẹ nên khi cha mẹ ly hôn thì cháu yêu cầu được tiếp tục sống với mẹ đến trưởng thành, không yêu cầu cha cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: *Về hôn nhân*: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đối với bị đơn anh Nguyễn Văn K; *Về con chung*: Ổn định cho chị N được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Hồng I và Nguyễn Gia H đến trưởng thành; Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con; *Về nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về yêu cầu tự thỏa thuận giải quyết nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị Nguyễn Thị N với anh Nguyễn Văn K tự nguyện yêu thương, được gia đình hai bên tác hợp và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Y, quận T, tp. Cần Thơ nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn nên chị N có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N, bị đơn anh Nguyễn Văn K và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn U, chị Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh K chung sống từ năm 2000, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay xảy ra cự cải, anh K thường xuyên chơi cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con, thậm chí còn nhiều lần đánh và xô đuổi chị N nên từ năm 2018 chị N cùng 02 con chung về nhà cha mẹ ruột sống ly thân anh K từ đó đến nay. Bị đơn anh Nguyễn Văn K cho rằng mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải nên từ năm 2018 chị N tự ý về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh đến nay. Tuy nhiên, anh còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù các đương sự có những lời khai không thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng nhưng trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6.2018 đến nay; suốt thời gian qua vợ chồng đã bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị N với anh K đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung đã không tồn tại, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng thống nhất khai có 02 con chung là Nguyễn Hồng I, sinh ngày 12.12.2005 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 26.10.2016 - các cháu chưa thành niên và đang sống với chị N. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Chị N có nguyện vọng được quyền nuôi 02 con đến trưởng thành, anh K đồng ý ổn định cho chị N được quyền tiếp tục nuôi con nên được Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự, điều này cũng phù hợp theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Các đương sự yêu cầu tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết;

[7] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, 53, 56, 81, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đối với bị đơn anh Nguyễn Văn K.

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị N được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Hồng I, sinh ngày 12.12.2005 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 26.10.2016 đến trưởng thành. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh K thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có tài sản chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về yêu cầu tự thỏa thuận giải quyết nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo phiếu thu số AA/2016/004471 ngày 09.01.2019 được chuyển thành án phí. Chị N đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- UBND phường Y (nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền